TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 11/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang
2. Ông Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quang L**, sinh năm 1991; Tên gọi khác: L Lé; Nơi cư trú: ấp Mỹ A, xã Mỹ Đức T, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Huyền T, sinh năm 1957; Tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Tiền sự: 02 lần:

+ Lần 01 vào ngày 17/10/2017 bị Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang, ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 17/01/2018).

+ Lần 2: Vào ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số: 125/2018/QĐ-TA ngày 22/11/2018 về việc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 12 tháng (chưa chấp hành).

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1993

Trú tại: ấp Ba R, xã Đại H, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn C, sinh năm 1969

Trú tại: ấp X, xã An B, thị trấn Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Phạm Văn C, sinh năm 1955.

Trú tại: khu vực Y, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018 bị cáo Trần Quang L thông qua mục tìm bạn quanh đây của mạng xã hội Zalo đã nhắn tin làm quen với Nguyễn Thị Thúy V, bị cáo L lấy tự xưng tên là "C" và giới thiệu đang làm kinh doanh dịch vụ vận tải ở Cái B, tỉnh Tiền Giang còn V giới thiệu tên "Anh K". Quá trình nói chuyện với nhau bị cáo L biết V khó khăn về kinh tế để tạo lòng tin nên bị cáo L hứa hẹn nếu quen nhau sẽ hỗ trợ tiền để V làm ăn cho đến chiều ngày 01/5/2019 thì cả 2 hẹn gặp nhau tại thị xã B, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo L điều khiển xe môtô nhãn hiệu Wave Trung Quốc biển số 66L5 – 7871 đi từ huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang đến nhà nghỉ 79 thuộc khu vực 5, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang đậu xe trước cửa vào nhà nghỉ và điện cho V, sau đó V điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 83C1 – 327.23 (xe mượn của anh Phạm Đức D, sinh năm: 1993. ĐKTT: ấp Ba R, xã Đại H, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng), chạy từ nhà ở xã Ba R, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng đến và đậu tại nhà xe trong nhà nghỉ 79, cả 2 cùng vào phòng số 13 để tâm sự từ khoảng 18 giờ 45 phút đến khoảng 19 giờ 30 phút thì bị cáo L nói đi mua thuốc hút, còn chị V đi vào nhà vệ sinh để tắm, bị cáo L thấy chìa khóa xe của V để trên bàn nên nảy sinh ý định trộm cắp xe môtô biển số 83C1 – 327.23, sau đó bị cáo L lấy chìa khóa xe, lén lút lấy xe môtô biển số 83C1 – 327.23 của V điều khiển chạy về huyện Cái B tỉnh Tiền Giang, còn xe của L biển số 66L5 – 7871 bỏ lại tại nhà nghỉ. Đối với V sau khi tắm xong đi ra kiếm chìa khoá xe của mình không thấy. Lúc này Nguyễn Thị Thúy V nghi ngờ bị cáo L lấy xe của mình nên đến Công an phường B trình báo sự việc.

Sau khi lấy trộm được xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 83C1 – 327.23 bị cáo L kiểm tra trong cốp xe và lấy được 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Thúy V và 01 cái bóp da bằng vải màu đen có dây kéo màu vàng của Phạm Đức D để trong cốp xe. Đến ngày 02/5/2019 L chạy xe 83C1 – 327.23 tình cờ gặp đối tượng "Phú Đ" không rõ nhân thân lai lịch tại ngã ba An H thuộc huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang, L thỏa thuận với Phú Đ cầm xe 83C1 – 327.23 với số tiền 5.000.000 đồng, tên Phú Đ đưa cho bị cáo L trước 3.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn ngày hôm sau gặp sẽ đưa tiếp. Nhưng đến ngày 03/5/2019 bị cáo L bị cơ quan CSĐT - Công an

huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đối với xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 83C1 – 327.23 L cầm cho tên Phú Đ (không rõ nhân thân lai lịch) nên không thu hồi được.

Căn cứ bản kết luận định giá số: 10 ngày 06/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, tỉnh Hậu Giang kết luận: 01 xe môtô nhãn hiệu AIRBLADE, biển kiểm soát: 83C1-327.23 giá trị còn lại 80% trị giá 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng). 01 cái bóp da bằng vãi màu đen có giây kéo màu vàng tại thời điểm xảy ra vụ việc giá trị còn lại 95% trị giá 95.000đ (chín mươi lăm ngàn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 66L5 – 7871; 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Thúy V; 01 cái bóp da bằng vãi màu đen có dây kéo màu vàng.

Về xử lý vật chứng: Vào ngày 06/8/2019 Cơ quan CSĐT công an thị xã B ra quyết định xử lý vật chứng số 26, 27 trao trả 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Thúy V cho bị hại là chị Nguyễn Thị Thúy V và 01 cái bóp da bằng vải màu đen có dây kéo màu vàng cho Phạm Đức D.

Cáo trạng số 26/CT-VKS-THỊ XÃNB, ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang quyết định truy tố bị cáo Trần Quang L có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Quang L theo tội danh và điều luật như quyết định cáo trạng đã truy tố. Phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại xe mô tô biển số 83C1-327.23 (không thu hồi được), giá trị còn lại 80% trị giá 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 66L5 – 7871 của bị cáo sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Quang L thừa nhận toàn bộ hình vi phạm tội đã thực hiện theo nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Trần Quang L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 19 giờ 50 ngày 01/5/2019 bị cáo Trần Quang L lợi dụng sự quen biết và sơ hở của bị hại Nguyễn Thị Thúy V trong lúc đang nghỉ tại nhà nghỉ 79 thuộc khu vực 5, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang, bị cáo lén lút lấy trộm xe môtô biển số 83C1-327.23 trị giá 25.600.000 đồng và 01 cái bóp da bằng vải màu đen (trong cóp xe) trị giá 95.000 đồng (chín mươi lăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản là 25.695.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng), do đó hành vi của bị cáo cấu thành tội trộm cắp tài sản. Nên cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, vì mục đích thỏa mãn nhu cầu có tiền tiêu xài cá nhân nên cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu có hai tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm một phần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại xe mô tô biển số 83C1-327.23 (không thu hồi được), giá trị còn lại 80% trị giá 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng)

[4] Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 66L5 – 7871 của bị cáo sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

[5] Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và tổng hợp hình phạt; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 48; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017); Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang L (L Lé) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Quang L 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 65/2019/HS-ST, ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xử phạt bị cáo Trần Quang L 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", buộc bị cáo Trần Quang L phải chấp hành chung của cả hai bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Trần Quang L bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/5/2019 tại Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quang L bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thúy V số tiền giá 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Về tang vật: Tịch thu xe mô tô biển số 66L5 – 7871 của bị cáo Trần Quang L sung quỹ Nhà Nước.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quang L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- THAHS Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khởi